XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Phạm Thu Hương[*]

Tóm tắt

Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 đã đưa ra một cơ chế tự chủ linh hoạt hơn, cho phép các trường xác định mức học phí cao hơn khung học phí của Nhà nước. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cho các trường đại học công lập thuộc diện thí điểm là phải xác định mức học phí như thế nào để vừa đảm bảo nguồn thu đáp ứng được chi phí đào tạo vừa không làm suy giảm khả năng cạnh tranh so với các trường công lập thuộc diện được ngân sách nhà nước. Chính sách học phí, chính sách phân bổ ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đại học và chính sách hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên được xem như là 3 công cụ điều tiết không thể tách rời nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện giáo dục. Về cơ bản, triết lý xây dựng chính sách học phí được chia ra làm 3 trường phái: (i) học phí thấp, ngân sách nhà nước cấp cao, hỗ trợ tài chính thấp; (ii) học phí bình quân, ngân sách nhà nước cấp bình quân, hỗ trợ tài chính bình quân; (iii) học phí cao, ngân sách nhà nước cấp thấp, hỗ trợ tài chính cao. Một số mô hình chính sách học phí phổ biến được các trường đại học trong và ngoài nước áp dụng có thể kể đến như học phí được xác định đồng nhất, học phí được xác định căn cứ trên kết quả học tập, học phí theo tín chỉ, chương trình đào tạo, học phí áp dụng cho các đối tượng đặc biệt, học phí áp dụng cho các khóa khác nhau, học phí cố định cho cả khóa. Những triết lý cũng như các mô hình về học phí cho thấy vẫn tồn tại một số điểm mà Nhà nước cần phải cân nhắc khi áp dụng đổi mới thí điểm trên diện rộng và trong thời gian dài sau khi thực hiện NQ77. Để xây dựng một chính sách học phí phù hợp các trường đại học cần phải cân nhắc các điều kiện về phát triển xã hội và kinh tế vĩ mô bên cạnh các điều kiện về phân bổ ngân sách nhà nước và hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

Từ khóa: *Chính sách học phí, Đại học Công lập, Tự chủ tài chính*

Mã số: 103.051214. Ngày nhận bài: 05/12/2014. Ngày hoàn thành biên tập: 15/01/2015. Ngày duyệt đăng: 15/01/2015.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề đổi mới tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các trường đại học công lập đã được sự quan tâm đặc biệt từ phía các nhà quản lý giáo dục tại Việt Nam trong nhiều năm qua. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, tăng cường cơ sở vật chất, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng phải thực hiện để đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo được đề cập trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung ương khóa XI.

[*] TS, Trường Đại học Ngoại thương

Nghị định 43/2006/NĐ-CP ra đời đã giúp các trường có được cơ chế chủ động hơn trong các hoạt động và đặc biệt là chủ động hơn trong các vấn đề tài chính. Tuy nhiên, sau 7 năm thực hiện thí điểm tự chủ, tự chịu trách nhiệm, các trường đại học công lập mặc dù được giao quyền chủ động hơn trong việc xây dựng các định mức chi nhưng lại gặp phải không ít khó khăn trong công tác huy động nguồn lực nhằm tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế.

Nghị định 49/2010/NĐ-CP (NĐ49) được ban hành ngày 14 tháng 05 năm 2010 đã bước đầu giúp các trường đại học tăng nguồn thu học phí hàng năm. Tuy nhiên, khung học phí được xây dựng trong điều kiện Nhà nước vẫn đảm bảo một phần thâm hụt kinh phí đào tạo dẫn đến một thực tế tại các trường đại học công lập tự chủ toàn phần kinh phí chi thường xuyên là học phí của các chương trình đào tạo đại trà không đủ để bù đắp chi phí đào tạo. Điều này không những mang lại sự bất hợp lý, thiếu công bằng, bình đẳng giữa các trường đại học công lập mà còn đe dọa tính phát triển bền vững của các chương trình đào tạo đại trà đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục xã hội.

Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 đã đưa ra một cơ chế tự chủ linh hoạt hơn và phần nào tháo gỡ được những khó khăn, rào cản trong việc huy động các nguồn lực tài chính, qua đó thúc đẩy quá trình đổi mới giáo dục đại học theo hướng tiên tiến. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cho các trường đại học công lập thuộc diện thí điểm là phải xác định mức học phí như thế nào để vừa đảm bảo nguồn thu đáp ứng được chi phí đào tạo vừa không làm suy giảm khả năng cạnh tranh so với các trường công lập thuộc diện được ngân sách nhà nước đảm bảo một phần hay toàn phần kinh phí chi thường xuyên. Ngoài ra, chính sách học phí của các trường được đưa ra phải không đi ngược với mục tiêu đảm bảo công bằng, bình đẳng giữa các đối tượng người học trong giáo dục đại học. Do đó, việc xác định mức học phí chỉ đơn thuần căn cứ trên chi phí đào tạo bình quân được sử dụng tại các trường đại học từ trước đến nay là không thể giải quyết được các vấn đề được đề cập trên đây.

Chính bởi vậy, việc nghiên cứu và đề xuất một chính sách học phí linh hoạt để một mặt vừa đảm bảo nguồn thu bù đắp đủ chi phí đào tạo, mặt khác vừa đảm bảo khả năng cạnh tranh cũng như đảm bảo mục tiêu xã hội của giáo dục đại học là vô cùng cần thiết và cấp bách trong bối cảnh hiện nay.

Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết phân tích triết lý xây dựng chính sách học phí, một số mô hình chính sách học phí và đưa ra một vài kiến nghị về việc xây dựng chính sách học phí cho các trường đại học công lập tại Việt Nam.

2. Triết lý xây dựng chính sách học phí

Chính sách học phí, chính sách phân bổ ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đại học và chính sách hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên được xem như là 3 công cụ điều tiết không thể tách rời nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện giáo dục. Bất cứ một sự điều chỉnh nào của chính sách học phí cũng phải được xem xét trên mối quan hệ mật thiết với chính sách phân bổ ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đại học và chính sách hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên. Học phí được xây dựng ở mức thấp trong khi ngân sách nhà nước cấp cho các trường đại học không đảm

bảo bù đắp phần thâm hụt chi phí đào tạo sẽ dẫn đến tình trạng các trường đại học không đủ nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, học phí được xây dựng ở mức cao nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong khi hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên còn thiếu sẽ dẫn đến tình trạng người học có hoàn cảnh khó khăn không tiếp cận được với giáo dục đại học hay nói cách khác giáo dục đại học không đảm bảo được mục tiêu xã hội đã đề ra.

Về cơ bản, triết lý xây dựng chính sách học phí được chia ra làm 3 trường phái:

- Học phí thấp, ngân sách nhà nước cấp cao, hỗ trợ tài chính thấp: triết lý này được đưa ra đứng trên quan điểm người học sẽ dàng tiếp cận với giáo dục đại học khi học phí được duy trì ở mức thấp trong khi hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên duy trì ở mức khiêm tốn. Theo triết lý này, học phí được xây dựng ở mức cao kể cả trong bối cảnh hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên tốt cũng vẫn cản trở khả năng tiếp cận giáo dục đại học của người học vì những lo ngại về gánh nặng và rủi ro trong tương lai của người học. Triết lý này phù hợp trong bối cảnh ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đại học đủ để bù đắp phần thâm hụt kinh phí đào tạo cho các trường đại học công lập khi áp dụng mức học phí thấp và đảm bảo các mục tiêu về chất lượng giáo dục đại học cũng như các mục tiêu phát triển bền vững trong giáo dục đại học.

- Học phí bình quân, ngân sách nhà nước cấp bình quân, hỗ trợ tài chính bình quân: với triết lý này học phí được xây dựng căn cứ trên chi phí đào tạo bình quân của quốc gia và Ngân sách Nhà nước cấp bình quân cho giáo dục đại học. Học phí được xác định tương ứng với Chi phí đào tạo bình quân trừ đi Ngân sách Nhà nước cấp bình quân. Triết lý này phù hợp với nguyên tắc chia sẻ chi phí đào tạo giữa Nhà nước và người học. Mức học phí vừa phải đủ để bù đắp phần chênh lệch giữa chi phí đào tạo và ngân sách nhà nước cấp vừa phải đảm bảo người học dễ dàng tiếp cận với giáo dục đại học. Tuy nhiên, mặc dù việc xác định học phí theo chi phí đào tạo bình quân và ngân sách nhà nước cấp bình quân sẽ đảm bảo khả năng cạnh tranh về phí cho các trường đại học nhưng điều này lại kìm hãm khả năng phát triển các chương trình đào tạo có phân cấp chất lượng cao và khác biệt so với các chương trình thông thường, đặc biệt trong điều kiện trình độ giáo dục đại học ở mức thấp.

- Học phí cao, ngân sách nhà nước cấp thấp, hỗ trợ tài chính cao: với triết lý này học phí sẽ được xây dựng ở mức cao đồng hành với một cơ chế hỗ trợ tài chính cho sinh viên mạnh. Việc xác định học phí ở mức cao sẽ làm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và việc có một cơ chế hỗ trợ tài chính tốt cho sinh viên vẫn đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục đại học của người học. Việc giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước đồng thời cũng giúp tạo nguồn lực tài chính cho việc phát triển chính sách cho vay học phí nhằm hỗ trợ người học tiếp cận với giáo dục đại học. Với quan điểm này, người học có thu nhập hay hỗ trợ từ gia đình tốt sẽ sẵn sàng bỏ ra số tiền học phí để tiếp tục theo học lên bậc đại học trong khi người học có thu nhập thấp hay không có hỗ trợ từ gia đình sẽ được hỗ trợ tài chính thông qua các chương trình cho vay học phí. Bên cạnh đó, triết lý này được xây dựng trên quan điểm một khi người học phải trả học phí cao người học sẽ có trách nhiệm hơn với quyết định học đại học của mình và do đó giảm thiểu tình trạng học vì bằng cấp và tạo định hướng phát triển giáo dục chuyên nghiệp. Tuy nhiên,

như đã phân tích trên đây, trong điều kiện trình độ xã hội chưa thật sự phát triển, nhận thức về chính sách hỗ trợ tài chính chưa cao, những lo ngại về gánh nặng và rủi ro trong tương lai cũng chính là cản trở đối với việc tiếp cận với giáo dục đại học của người học.

3. Một số mô hình chính sách học phí

Thách thức lớn nhất đối với trường đại học khi xây dựng chính sách học phí là vừa phải đảm bảo đủ kinh phí để duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, vừa phải đảm bảo khả năng cạnh tranh, thu hút người học tham gia các chương trình đào tạo của mình. Dưới đây là một số mô hình chính sách học phí phổ biến được các trường đại học trong và ngoài nước áp dụng:

- Học phí được xác định đồng nhất: đây là mô hình truyền thống, với mô hình này, mức học phí được áp dụng thống nhất cho mọi đối tượng theo học các chương trình tại trường đại học. Mô hình này khá là đơn giản và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu nộp và quản lý học phí. Tuy nhiên, do mức học phí được xác định đồng nhất nên dẫn đến tình trạng có những chương trình có sức hút người học lớn, chi phí đào tạo cao nhưng lại được định mức học phí thấp và ngược lại, có những chương trình không dễ dàng thu hút được người học và chi phí đào tạo thấp nhưng lại được định mức học phí cao. Chính bởi vậy, mô hình học phí này không thật sự phản ánh chi phí đào tạo thực tế và khuyến khích các đối tượng khác nhau trong quá trình học tập tại trường đại học.

- Học phí được xác định căn cứ trên kết quả học tập: Mô hình này được áp dụng khá phổ biến hiện nay. Căn cứ trên kết quả học tập, trường đại học sẽ thực hiện miễn giảm học phí cho sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập dưới hình thức cấp học bổng học phí, mức miễn giảm có thể áp dụng 100%, 75%, 50%, 25%... tùy vào mức độ phân cấp của trường đại học. Mô hình này được áp dụng khá phổ biến xuất phát từ mục tiêu thu hút, khuyến khích các sinh viên tài năng theo học các chương trình của trường đại học, việc phân cấp học phí sẽ làm tăng động lực học tập cho sinh viên, giúp cải thiện kết quả đầu ra của các chương trình đào tạo đại học. Tuy nhiên, với mô hình này mức học phí cơ sở (tương ứng với mức 100% học phí) sẽ phải được xây dựng ở mức cao hơn mức chênh lệch bình quân giữa chi phí đào tạo và phần ngân sách nhà nước cấp để đảm bảo bù đắp thâm hụt kinh phí đạo tạo giữa các đối tượng người học. Điều này lại sẽ có thể dẫn đến giảm khả năng cạnh tranh đối với các trường đại học ở phân cấp trung bình (yêu cầu đầu vào và đầu ra ở mức trung bình).

- Học phí theo tín chỉ, chương trình đào tạo: với mô hình này, các mức học phí được xây dựng cho căn cứ trên các tiêu chí khác nhau. Ví dụ, học phí tín chỉ được xây dựng khác với học phí niên chế, học phí chương trình chuyên ngành kinh tế khác với học phí chương trình chuyên ngành luật, học phí học phần chuyên ngành khác với học phí học phần cơ sở ... Với mô hình này, học phí được xây dựng linh hoạt phù hợp với đặc điểm của từng loại hình đào tạo, từng chương trình đào tạo cũng như từng chuyên ngành đào tạo. Tuy nhiên, việc quản lý học phí cũng như việc quản lý sử dụng nguồn học phí sẽ phức tạp hơn rất nhiều so với mô hình học phí bình quân (một mức học phí áp dụng cho các đối tượng khác nhau). Mô hình đòi hỏi trường đại học phải xây dựng được hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho từng đối tượng xác định chi phí để đảm bảo quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn thu.

- Học phí áp dụng cho các đối tượng đặc biệt: với mô hình này, trường đại học sẽ xây

dựng mức học phí dành riêng cho các đối tượng đặc biệt như con thương binh liệt sỹ, bản thân và gia đình có hoàn cảnh đặc biệt... Hiện nay, ngân sách nhà nước vẫn đang thực hiện cấp bù học phí dành cho các đối tượng này. Tuy nhiên, căn cứ trên Nghị quyết 77/NQ-CP, các trường đại học sẽ phải chủ động cấp bù phần chênh lệch giữa mức trần học phí do Nhà nước quy định và mức học phí do trường xây dựng. Như vậy, về cơ bản các trường đại học sẽ phải xây dựng học phí áp dụng cho các đối tượng đặc biệt và phải tự lo nguồn tài chính để bù đắp thâm hụt kinh phí đào tạo cho các đối tượng đặc biệt này.

- Học phí áp dụng cho các khóa khác nhau: trên quan điểm các trường đại học phải cam kết đảm bảo ổn định của học phí qua các năm nhằm giúp người học dự tính trước được tổng chi phí mà mình phải bỏ ra, một số trường đại học xây dựng mức học phí phải áp dụng cho từng thời điểm nhập học và đưa ra cam kết về mức tăng trưởng tối đa của học phí. Hay nói cách khác, mức học phí được xây dựng căn cứ trên thời gian bắt đầu nhập học sinh viên, sinh viên nhập học sớm sẽ có mức học phí thấp hơn sinh viên nhập học muộn. Mô hình này làm gia tăng mong muốn học đại học sớm của người học, đảm bảo lộ trình tăng học phí ổn định, giảm thiểu rủi ro về biến động học phí cho người học. Tuy nhiên, mô hình này không thật sự phù hợp với các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, việc xác định các mức phí khác nhau cho 1 lớp học tín chỉ sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý đào tạo và tài chính của trường đại học. Ngoài ra, việc xác định mức phí khác nhau cho các đối tượng học khác nhau đối với cùng một lớp tín chỉ không phản ánh đúng chi phí đào tạo.

- Học phí cố định cho cả khóa: với mô hình này, trường đại học sẽ đưa ra một mức học phí áp dụng cho toàn khóa học. Người học sẽ không phải bận tâm tới vấn đề tăng học phí trong suốt quá trình học tập của mình. Tương tự như mô hình học phí áp dụng cho các khóa khác nhau trên đây, mô hình học phí cố định cho cả khóa sẽ làm giảm tính linh hoạt của các trường đại học khi ứng phó với những thay đổi của nền kinh tế vĩ mô. Chính bởi vậy, các trường đại học có xu hướng xây dựng mức học phí của khóa sau cao hơn mức học phí của khóa trước, đồng thời mức học phí của mỗi khóa cũng được xây dựng cao hơn chi phí đào tạo bình quân năm của toàn khóa học để đảm bảo dự phòng khi rủi ro về lạm phát xảy ra. Mô hình này phù hợp với một môi trường kinh tế vĩ mô cũng như chính sách điều tiết giáo dục đại học ổn định.

4. Một số kiến nghị về việc xây dựng chính sách học phí cho các trường đại học công lập trong bối cảnh tự chủ tài chính

Kiến nghị với Nhà nước: Nghị quyết 77/NQ-CP (NQ 77) của Chính phủ đã bước đầu mở ra một cơ chế linh hoạt hơn cho các trường trong quá trình đổi mới giáo dục đại học. Các trường được trao nhiều quyền hơn trong các quyết sách về học phí và sử dụng học phí. Tuy nhiên, từ những triết lý cũng như các mô hình về học phí phân tích trên đây, có thể thấy rằng vẫn tồn tại một số điểm mà Nhà nước cần phải cân nhắc khi áp dụng đổi mới thí điểm trên diện rộng và trong thời gian dài sau khi thực hiện NQ77, cụ thể như sau:

NQ77 chỉ ra rằng việc thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 sẽ được thực hiện khi *"cơ sở giáo dục đại học công lập khi cam kết tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư"*. Trong khi đó, các trường đại học được *"quyết*

định mức học phí bình quân (của chương trình đại trà) tối đa bằng mức trần học phí do Nhà nước quy định cộng với khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp bình quân cho mỗi sinh viên công lập trong cả nước". Như vậy, Nhà nước cần phải xây dựng mức trần học phí phải đảm bảo đủ bù đắp phần chênh lệch giữa chi phí đào tạo thường xuyên và phần chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp, đồng thời phải đảm bảo tích lũy cho các hoạt động đầu tư phát triển sự nghiệp. Mức trần học phí theo NĐ49 hiện nay chưa thật sự đảm bảo được tích lũy đủ cho hoạt động đầu tư của các trường đại học công lập và về cơ bản các trường sẽ không thể tự lo chi đầu tư để mở rộng khuôn viên, tăng cường cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu chất lượng của giáo dục đại học.

NQ77 cho phép các trường được chuyển toàn bộ học phí và các khoản thu sự nghiệp khác từ gửi Kho bạc sang gửi ngân hàng thương mại. Mặc dù quy định này giúp các trường tận dụng được nguồn thu là lãi ngân hàng nhưng NQ77 cũng ràng buộc các trường trong việc *"sử dụng toàn bộ tiền lãi của khoản học phí và các khoản thu sự nghiệp khác gửi ngân hàng thương mại để lập các quỹ hỗ trợ sinh viên"*. Như vậy, để được quyền thu học phí cao hơn so với mức trần học phí do Nhà nước quy định, các trường sẽ phải chịu cắt ngân sách cho chi đầu tư và đồng thời cắt nguồn thu từ lãi ngân hàng đối với các khoản thu sự nghiệp khác dùng để trang trải cho chi phí đào tạo. Việc xây dựng chính sách hỗ trợ sinh viên là thật sự cần thiết trong bối cảnh hiện nay nhưng như đã phân tích trên đây việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên trước hết phải do Nhà nước thực hiện, việc chuyển đổi hỗ trợ tài chính từ Nhà nước sang trường học thật sự không phải là giải pháp lâu dài, tối ưu trong giáo dục đại học. Như phân tích trên đây, 3 công cụ điều tiết không thể tách rời trong giáo dục đại học đó là chính sách học phí, chính sách phân bổ ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đại học, chính sách hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên. Các trường đại học sẽ buộc phải xây dựng chính sách học phí cũng như các hoạt động hỗ trợ sinh viên của mình căn cứ trên mối quan hệ tương hỗ với chính sách phân bổ ngân sách và chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước và việc ràng buộc các trường đại học sử dụng nguồn thu dành cho hỗ trợ tài chính cho sinh viên là không cần thiết và khiến cho các trường kém linh hoạt trong việc giải quyết mối quan hệ tương hỗ này. Chính bởi vậy, Nhà nước cần phải đưa ra một cơ chế linh hoạt hơn cho các trường trong việc sử dụng nguồn thu học phí và các nguồn thu sự nghiệp khác.

Kiến nghị với các trường: việc xây dựng chính sách học phí linh hoạt trong bối cảnh tự chủ tài chính là thật sự cần thiết đối với các trường đại học công lập hiện nay. Để xây dựng một chính sách học phí phù hợp các trường đại học cần phải cân nhắc các điều kiện về phát triển xã hội và kinh tế vĩ mô bên cạnh các điều kiện về phân bổ ngân sách nhà nước và hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

Các trường phải xây dựng lộ trình tăng học phí hợp lý để một mặt vừa đảm bảo kinh phí cho hoạt động thường xuyên và có tích lũy, mặt khác không làm cản trở khả năng tiếp cận đại học của người học. Trong điều kiện hạn hẹp về ngân sách nhà nước cấp cho giáo dục đại học duy trì ở thấp, việc tăng học phí là điều tất yếu. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống hỗ trợ tài chính cho sinh viên của nước ta còn hạn chế, khả năng tiếp cận hỗ trợ tài chính của sinh viên trong một chừng mực nào đó vẫn còn khó khăn, việc các trường đưa ra mức học

phí cao sẽ cản trở khả năng tiếp cận giáo dục đại học của những người học thật sự có năng lực trình độ.

Để đảm bảo tính ổn định, giúp các sinh viên đang theo học tại trường yên tâm với quá trình đào tạo của mình, các trường nên phân biệt 2 nhóm đối tượng: (i) nhóm các sinh viên đang theo học tại trường và (ii) nhóm sinh viên mới. Đối với nhóm sinh viên đang theo học tại trường, các trường nên duy trì tốc độ tăng trưởng học phí hợp lý và duy trì ổn định qua các năm. Phần thâm hụt kinh phí đào tạo nhà trường tiếp tục huy động từ các nguồn thu sự nghiệp khác để bù đắp. Đối với nhóm sinh viên mới, các trường nên xây dựng học phí căn cứ trên chi phí đào tạo thực tế tính đủ (bao gồm cả khấu hao tài sản cố định) và đưa ra cam kết về mức độ tăng trưởng tối đa về học phí qua các năm. Điều này đòi hỏi các trường phải dự kiến được chi phí đào tạo đầy đủ cần thiết cho cả 4 năm đào tạo đại học.

Các trường cũng nên cân nhắc mô hình học phí căn cứ trên kết quả học tập nhằm thu hút sinh viên giỏi và tăng động lực trong học tập cho sinh viên theo học tại trường. Hiện nay, mô hình này được áp dụng khá phổ biến tại các nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh, Úc... Phần thâm hụt kinh phí đào tạo áp dụng cho những đối tượng này có thể được bù đắp bởi phần lãi tiền gửi học phí tại ngân hàng thương mại theo NQ77.

Các trường có các ngành đào tạo thuộc các lĩnh vực khác nhau, hay nói cách khác là có sự khác biệt rõ ràng giữa các ngành đào tạo có thể áp dụng mức học phí khác nhau cho các ngành đào tạo. Đối với các ngành đào tạo thu hút được sự quan tâm của xã hội, mức học phí được xây dựng ở mức cao hơn chi phí đào tạo đầy đủ thực tế, đồng thời cũng có cơ chế hỗ trợ tài chính cho những sinh viên thật sự giỏi. Hay nói cách khác, đối với những ngành có nhu cầu xã hội cao, học phí sẽ tiến tới giá mà xã hội chấp nhận. Phần chênh lệch giữa học phí và chi phí đào tạo thực tế của ngành hấp dẫn có thể được sử dụng để bù đắp thâm hụt cho những ngành không thật sự hấp dẫn nhưng lại thật sự cần thiết cho sự phát triển của xã hội hoặc những ngành có tiềm năng phá triển trong tương lai.

Theo NQ77, các trường đại học phải chia sẻ cùng Nhà nước để thực hiện chế độ miễn giảm học phí dành cho các đối tượng đặc biệt. Theo NQ77, các trường có thể sử dụng lãi tiền gửi ngân hàng của học phí và các nguồn thu sự nghiệp để bù đắp thâm hụt kinh phí đào tạo khi áp dụng chế độ miễn giảm học phí cho đối tượng đặc biệt này thông qua phương thức miễn giảm học phí.

5. Kết luận

Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ về cơ bản hướng tới trao cho các trường nhiều quyền hơn trong các quyết sách chuyên môn, các trường được chủ động hơn trong việc khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo đại học và giảm chi cho Ngân sách nhà nước, đồng thời không làm giảm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học của sinh viên nghèo, sinh viên là đối tượng chính sách.

Tuy nhiên, việc xây dựng một chính sách học phí phù hợp vừa đảm bảo nguồn thu đủ để bù đắp chi phí đào tạo, duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, vừa đảm bảo khả năng cạnh tranh với các trường đại học công lập vẫn được cấp Ngân sách nhà nước cho chi thường xuyên và chi đầu tư thật sự là thách thức lớn cho các trường đại học công lập thực hiện thí điểm tự chủ tài chính. Trường đại học không

thể xây dựng chính sách học phí tách rời với chính sách phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học cũng như chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

Một chính sách học phí hợp lý là một chính sách học phí vừa đảm bảo được nguồn kinh phí để phát triển giáo dục đại học, vừa khuyến khích và tạo động lực học tập cho sinh viên, đồng thời không làm giảm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học của người học và đảm bảo tính ổn định xuyên suốt quá trình học tập của sinh viên theo học các chương trình đào tạo của trường.❑

Tài liệu tham khảo

1. Vincent Badolato, ***Tuition Policy and Practice,*** National Conference of State Legislatures (US), November 2008.
2. Watson Scott Swail, Ed.D and Donal E. Heller, PhD, ***Changes in Tuition Policies – Natural Policy Experiments in Five Countries***, Canada Millennium Scholarship Foundation, 2004.